BÀI GIẢNG: TRI THỨC NGỮ VĂN: HỒN NƯỚC NẰM TRONG TIẾNG MẸ CHA
VĂN BẢN: KIM - KIỀU GẶP GỠ
CHUYÊN ĐỀ: HỒN NƯỚC NẰM TRONG TIẾNG MẸ CHA
MÔN: NGỮ VĂN
GIÁO VIÊN: TẠ MINH THỦY

MỤC TIÊU

- ✓ *Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.*
- ✓ *Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong văn bản truyện.*
- ✓ *Có một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.*
- ✓ *Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.*
- ✓ *Biết trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự*
- ✓ *Tự hào, trân trọng những di sản văn hoá, văn học của dân tộc; có ý thức gìn giữ và phát triển tiếng Việt.*
- ✓ *Trình bày được những thôn tin hiểu biết cơ bản về đại thi hào Nguyễn Du và tác phẩm Truyện Kiều.*
- ✓ *Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm: cốt truyện, nhân vật, lời thoại trong đoạn trích.*

I. TIẾN TRÌNH BÀI HỌC

1 Đọc hiểu văn bản

- VB1: Kim – Kiều gặp gỡ (trích Truyện Kiều – Nguyễn Du).
- VB2: Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga (trích Truyện Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiều
- VB3: Tự tình (bài 2) – Hồ Xuân Hương.

2 Thực hành tiếng Việt

- Sơ giản về chữ Nôm; chữ quốc ngữ.

2 Viết

- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.
- Trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay.

II. TRI THỨC NGỮ VĂN

1 Truyện thơ Nôm

- Lịch sử ra đời:

+ Khoảng TK 16-17.

+ Phát triển mạnh ở thế kỉ 18, nửa đầu TK 19.

- Hình thức thể hiện:

+ Lúc đầu: đường luật/ song thất lục bát.

+ Sau: lục bát.

- Đề tài, cốt truyện:

+ Đề tài: phong phú, giàu cảm hứng nhân đạo, giá trị hiện thực.

+ Cốt truyện: trình tự thời gian, mô hình gặp gỡ - chia li - đoàn tụ.

- Nhân vật:

+ Có vẻ đẹp toàn diện nhưng cuộc sống trắc trở, gian nan.

+ Được khắc họa ở 2 phương diện: con người bên ngoài và bên trong.

+ Lời thoại cá thể hóa, thể hiện rõ nét tính cách, nội tâm.

- Ngôn ngữ:

+ Giản dị, gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân.

+ Tinh tế, tài hoa, biểu đạt mọi cung bậc tình cảm của con người.

2 Lời đối thoại, độc thoại của văn bản truyện

- Lời đối thoại: Là hình thức thể hiện lời của nhân vật khi đối tượng hướng đến là một hoặc nhiều người tham gia giao tiếp trực tiếp.

- Lời độc thoại: Là hình thức thể hiện lời của nhân vật khi đối tượng hướng đến không phải là người tham gia giao tiếp trực tiếp. Được sử dụng để tái hiện tiếng nói nội tâm/ trạng thái cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.

III. KIM – KIỀU GẶP GỠ

1 Tìm hiểu chung

a. Tác giả

- Nguyễn Du (1765 – 1820) quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An, nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Cuộc đời Nguyễn Du gắn với một thời đại lịch sử đầy biến động nên trải nhiều thăng trầm. Ông không chỉ có vốn tri thức uyên bác, vốn sống phong phú, am hiểu sâu sắc về con người mà còn có trái tim mang nặng nỗi thương đời.

- Nguyễn Du để lại một sự nghiệp văn chương quý giá, gồm có: ba tập thơ chữ Hán (Thanh Hiên thi tập, Nam trung tạp ngâm, Bắc hành tạp lục) và một số tác phẩm chữ Nôm (Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu, Thác lời trai phường nón, Văn tế thập loại chúng sinh, Truyện Kiều). Với những đóng góp to lớn ở cả hai bộ phận sáng tác chữ Hán và chữ Nôm, Nguyễn Du được suy tôn là đại thi hào của dân tộc. Năm 2013, Nguyễn Du được UNESCO ra nghị quyết vinh danh và kỉ niệm 250 năm ngày sinh của ông.

- Truyện Kiều là kiệt tác của Nguyễn Du và của nền văn học dân tộc. Nguyễn Du đã sử dụng cốt truyện từ tiểu thuyết Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc) để sáng tạo nên một tác phẩm mới. Ông đã sáng tác Truyện Kiều bằng ngôn ngữ, thể loại văn học của dân tộc; với cảm hứng trước "những điều trông thấy" và ngòi bút của một thiên tài.

Truyện Kiều có giá trị nhân đạo lớn lao và giá trị hiện thực sâu sắc. Nguyễn Du đã bày tỏ nỗi xót thương, đồng cảm với những số phận bi kịch; khẳng định, đề cao vẻ đẹp, quyền sống và những khát vọng chính đáng của con người (tình yêu, hạnh phúc, tự do và công lí,...). Nhà thơ cũng tố cáo, lên án thực trạng của mô xã hội mà đồng tiền và cái ác "lên ngôi".

b. Văn bản

- Nằm ở phần I của truyện (gặp gỡ), từ câu 141 – 184

- Nội dung: nhân tiết thanh minh, Thuý Kiều cùng hai em du xuân, tình cờ gặp mộ của Đạm Tiên, một ca nữ nổi danh tài sắc mà bạc mệnh, nàng bày tỏ nỗi lòng thương xót. Cũng ở đây, nàng đã gặp Kim Trọng, giữa hai người lập tức nảy sinh tình cảm yêu thương, quyến luyến. Thuý Kiều trở về nhà với tâm trạng "ngổn ngang trăm mối".

2 Khám phá văn bản

a. Nhân vật Kim Trọng

*** Chân dung**

- Lời kể của người kể chuyện tạo sự khách quan và bao quát về nhân vật:

+ Ví: cây quỳnh, cành dao: bước chân bừng lên sự hài hòa, tươi sáng.

+ Nhà trâm anh, nền phú hậu, bậc tài danh: xuất thân quyền quý, danh giá.

+ Văn chương nết đất, thông minh, phong tư tài mạo: học thức thuộc dạng thông minh, nổi tiếng. Đạt đến độ tột đỉnh về dung mạo, tính cách, phong thái giao tiếp.

=> Chàng Kim được tái hiện hoàn hảo, không chút tì vết.

=> Nhận xét: Kim Trọng được tái hiện trong sự ưu ái không hề nhỏ của người kể chuyện, vô cùng hoàn hảo, hoàn hảo đến từng chi tiết, xứng đôi với người đẹp.

=> Tác giả tái hiện cuộc gặp gỡ vô cùng đẹp đẽ và nên thơ trong cuộc gặp gỡ Kim Kiều trong không gian của mùa xuân và tuổi trẻ.

*** Sự thay đổi tâm trạng**

Bóng hồng nhác thấy nẻo xa
Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai.

- Bóng hồng: chỉ Kiều – Vần.

- Nhận ra vẻ đẹp của 2 người: mặn mà => cho thấy sự cảm nhận tinh tế của Kim Trong với hai chị em.

Người quốc sắc kẻ thiên tài

Tình trong như đã mặt ngoài còn e
Chập chờn cơn tỉnh cơn mê

Rốn ngồi chẳng tiện dứt về chỉn khôn.

- Khẳng định: quốc sắc, thiên tài.

- Cảm mến ngay từ cái nhiều đầu tiên.

- Kim Trọng chìm trong tình yêu từ cái nhìn đầu tiên, khiến cho Kim Trọng phải bối rối, bâng khuâng, luống cuống (chập chờn, tỉnh mê, chẳng tiện, dứt về chỉn khôn)

=> Hai trái tim đa sầu, đa cảm gặp gỡ, quyến luyến không thể dứt rời nhưng cũng rất e ấp, kín đáo.

=> Chàng Kim như rơi vào cơn mê tình không dứt, con người hào hoa phong nhã đã có phần luống cuống.

Bóng tà như giục cơn buồn

Khách đà lên ngựa người còn nghé theo

- Sử dụng phép tiểu đối: khách lên ngựa (KT) – người nghé theo (TK)

Dưới cầu nước chảy trong veo

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.

- Cái ngoái nhìn của khách với người ở lại.

=> Bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc, thiên nhiên đầy thú vị chứng kiến cuộc gặp gỡ, dấu yêu ban đầu của hai người.

=> Dường như lúc này thế giới chỉ còn lại hai người trong sự quyến luyến, mô mộng yêu đương ban đầu.

c. Tâm trạng Thúy Kiều

Kiều từ trở gót trướng hoa,

…

Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình.

- Bức tranh thiên nhiên:

+ Không gian: trướng hoa: nhỏ bé, riêng tư của người con gái.

+ Thời gian: khuya tối tĩnh lặng.

+ Sự vật thân thuộc: gương nga, vầng trăng, cây lồng bóng sân, giọt sương gieo nặng, cành xuân la đà: hiện lên trong sự đan cài mềm mại, quyến luyến hòa quyện với nhau, tạo thành bức tranh đêm trăng đẹp đẽ, thi vị.

- Nhận xét tâm trạng nàng Kiều:

+ Lặng ngắm bóng nga, nỗi xa bời bời: lưu luyến, vẩn vơ.

=> Sự bồi hồi, ngổn ngang, vương vấn và đầy mơ mộng của người con gái đang độ tuổi xuân xanh, đa sầu đa cảm mong ước đợi chờ một tình yêu đẹp đẽ, hạnh phúc.

- Nội tâm nàng Kiều:

+ Suy nghĩ về Đạm Tiên: đồng cảm, xót thương.

+ Suy nghĩ về Kim Trọng: nhớ thương, trông đợi kín đáo.

=> Nhận xét: Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc, lấy thiên nhiên để diễn tả gửi gắm tâm trạng của nàng Kiều sau buổi du xuân. Trong ngày xuân đã nhuốm màu tâm trạng dự cảm về cuộc đời và tình duyên của nàng Kiều. Lời nội tâm của nhân vật và lời người kể chuyện đan cài độc đáo.

3 Tổng kết

- Nghệ thuật:

+ Bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

+ Ẩn dụ, ví von.

+ Ngôn ngữ thơ tinh tế.

- Nội dung: tái hiện chân dung Kim Trọng và cuộc gặp gỡ, tình yêu chớm nở đầy e ấp, thi vị của Kim-kiều. Miêu tả những bồi hồi, cảm xúc ngổn ngang của nàng Kiều.